

UBND XÃ MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT THCS
NẬM TIN
SỐ: 46b /QĐ-THCSNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mường Chà, ngày 11 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai giao dự toán ngân sách năm 2025 của trường PTDTBT
THCS Nậm Tin**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT THCS NẬM TIN

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 31/10 của UBND xã Mường Chà

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán trường PTDTBT THCS Nậm Tin

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai giao dự toán ngân sách năm 2025 theo biểu chi tiết kèm theo.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, kế toán, thủ quỹ, các bộ phận có liên quan và các cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: văn thư, kế toán.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Công Mường

Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Nậm Tin

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**Năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 46b/QĐ-THCSNT ngày 11/11/2025 của trường PTDTBT THCS Nậm Tin)

Đơn vị tính : Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.288
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.288
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.288
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.560
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.728
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3

6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	



Số: 430/QĐ-UBND

Mường Chà, ngày 31 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG CHÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách Nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên điều chỉnh và giao dự toán thu, chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã Mường Chà khóa I về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 cho các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc xã (gọi là cơ quan, đơn vị) - *Chi tiết như biểu kèm theo.*

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao (đã bao gồm tiền lương và các chế độ phụ cấp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ ngân sách từng tháng theo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng giao dịch số 3 KBNN khu vực X; Trưởng Thuế cơ sở 5 tỉnh Điện Biên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Lãnh đạo HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã (b/c);
- Ban KT-NS, HĐND xã;
- Lưu: VT, KT (05b);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Đại

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 430/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND xã Mường Chà)

Tên đơn vị: Trường PTDTBT THCS Nậm Thà

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					5.288.0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				5.288.0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				5.288.0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	073	13	3.560.0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	073	18	262.0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	073	12	1.466.0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				245.0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				1.205.0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				16.0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Phụ cấp hướng dẫn xóa tập sự; Kinh phí thay biển trường; Kinh phí tập huấn; mua sắm thiết bị PCCC; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)